

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ CÔNG TÂY
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 54/2021/DS-ST

Ngày: 25-03-2021

V/v: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ CÔNG TÂY – TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Đặng Thị Thanh Trinh**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Nguyễn Thị Mỹ Hoa**.

2. Bà **Trần Thu Hồng**.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Thúy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Tây tham gia phiên tòa: Ông **Đoàn Khắc Huy** – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 351/2020/TLST-DS ngày 25 tháng 12 năm 2020 về tranh chấp: “Hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2021/QĐXXST-DS ngày 19 tháng 02 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 13/2021/QĐST-DS ngày 08 tháng 03 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần S.

Địa chỉ trụ sở chính: số A, đường N, Phường B, Quận C, thành phố H.

Đại diện theo pháp luật: Nguyễn Đức Thạch D. Chức vụ: Tổng giám đốc.

Đại diện theo ủy quyền: Nguyễn Văn G. Chức vụ: Giám đốc ngân hàng TMCP S– chi nhánh T.

Ông Nguyễn Văn G ủy quyền lại cho: Chị Võ Thị Thanh N.

Chức vụ: Phó phòng giao dịch G theo giấy ủy quyền ngày 10/12/2020.

- Bị đơn: Huỳnh Kim Q, sinh năm 1957.

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện G, tỉnh T.

(Chị N có mặt; ông Q vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần S trình bày:

Ngày 01/8/2017, ông Huỳnh Kim Q có ký kết với ngân hàng thương mại cổ phần S- chi nhánh T hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng, bản điều khoản, Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của ngân hàng).

Căn cứ thu nhập của ông Huỳnh Kim Q ngân hàng đã đồng ý cấp cho ông Q thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 10.000.000 đồng với mục đích tiêu dùng cá nhân.

Với hạn mức được cấp, ông Huỳnh Kim Q được thực hiện nhiều lần các giao dịch mua hàng, rút tiền mặt và thanh toán sao cho dư nợ luôn trong phạm vi hạn mức nêu trên.

Tính đến ngày 30/11/2020 thì ông Huỳnh Kim Q đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 177.719.612 đồng, tiền lãi là 5.750.214 đồng, tiền phí là 1.557.000 đồng và ông Huỳnh Kim Q đã thanh toán cho ngân hàng số tiền tổng cộng là 174.258.000 đồng, kể từ đó đến nay ông Q ngưng thanh toán cho ngân hàng. Ngân hàng đã làm việc nhắc nhở nhiều lần, tạo điều kiện cho ông Q thanh toán khoản vay thẻ tín dụng nhưng ông Q vẫn không có thiện chí trả nợ.

Do ông Q vi phạm nghĩa vụ thanh toán tại Điều 2 của Bản điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của ngân hàng nên ngày 30/11/2020 ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (Điều 23 của bản điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của ngân hàng). Từ ngày toàn bộ dư nợ đã chuyển (tạm tính đến ngày 30/11/2020) là 10.768.826 đồng.

Đến ngày 19/02/2021, ông Huỳnh Kim Q còn nợ ngân hàng số tiền là 11.902.745 đồng, trong đó vốn là 10.768.826 đồng, tiền lãi quá hạn là 1.133.919 đồng.

Nay ngân hàng yêu cầu:

-Buộc ông Huỳnh Q phải trả ngay cho ngân hàng thương mại cổ phần S - chi nhánh T số tiền tạm tính đến ngày 19/02/2021 là 11.902.745 đồng, trong đó vốn

là 10.768.826 đồng, tiền lãi quá hạn là 1.133.919 đồng, trả một lần khi bản án có hiệu lực pháp luật.

- Sau ngày 19/02/2021, nếu ông Huỳnh Kim Q chậm thanh toán còn phải trả thêm tiền tiền lãi quá hạn của Hợp đồng tín dụng trên cho đến khi trả hết nợ.

*Bị đơn ông Huỳnh Kim Q vắng mặt, mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập, các thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông Q vẫn vắng mặt không lý do và cũng không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng.

*Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của ngân hàng có chị N yêu cầu:

-Buộc ông Huỳnh Kim Q phải trả ngay cho ngân hàng thương mại cổ phần S - chi nhánh T số tiền tạm tính đến ngày 25/3/2021 là 12.378.711 đồng, trong đó vốn là 10.768.826 đồng, tiền lãi quá hạn là 1.609.885 đồng, trả một lần khi bản án có hiệu lực pháp luật.

- Sau ngày 25/3/2021, nếu ông Huỳnh Kim Q chậm thanh toán còn phải trả thêm tiền tiền lãi quá hạn của Hợp đồng tín dụng trên cho đến khi trả hết nợ.

**** Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát:***

Về việc tuân theo pháp luật: Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Thư ký đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Đối với đương sự: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay các đương sự đã thực hiện đúng theo quy định tại các Điều 70, 71 và Điều 234 Bộ luật tố tụng dân sự, riêng bị đơn đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn vắng mặt không lý do nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Viện kiểm sát không bổ sung gì thêm.

Về việc giải quyết vụ kiện: Áp dụng Điều 463, 466 Bộ luật dân sự; Luật các tổ chức tín dụng; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần S yêu cầu ông Huỳnh Kim Q phải trả ngay cho ngân hàng thương mại cổ phần S– chi nhánh T số tiền tạm tính đến ngày 25/3/2021 là 12.378.711 đồng, trong đó: vốn là 10.768.826 đồng, tiền lãi quá hạn là 1.609.885 đồng, trả một lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật. Sau ngày

25/3/2021 nếu ông Huỳnh Kim Q chậm thanh toán thì phải trả thêm tiền lãi quá hạn của Hợp đồng tín dụng trên cho đến khi trả hết nợ.

Ông Huỳnh Kim Q chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng: Đối với ông Huỳnh Kim Q đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa, nhưng ông Q vắng mặt không tham gia phiên tòa và không gửi văn bản trình bày ý kiến cho Tòa án. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự quyết định xét xử vắng mặt ông Q.

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Ngân hàng thương mại cổ phần S khởi kiện yêu cầu ông Huỳnh Kim Q trả số tiền tạm tính đến ngày 25/3/2021 là 12.378.711 đồng, trong đó vốn là 10.768.826 đồng, lãi quá hạn là 1.609.885 đồng, trả một lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp là tranh chấp: “Hợp đồng vay tài sản” theo quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại các Điều 26, 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng, thấy rằng: Ngân hàng đã cung cấp: “Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng” do ông Q viết và ký tên, vào ngày 01/8/2017 Ngân hàng đã phê duyệt hạn mức tín dụng cho ông Q là 10.000.000 đồng. Quá trình sử dụng thẻ, tính đến ngày 30/11/2020, ông Quang đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền 177.719.612 đồng, tiền lãi là 5.750.214 đồng, tiền phí là 1.557.000 đồng, ông Q đã thanh toán cho ngân hàng tổng cộng là 174.258.000 đồng, kể từ đó đến nay ông Q ngưng không thanh toán cho ngân hàng. Như vậy, tính đến ngày 25/3/2021 ông Quang còn nợ tổng số tiền là 12.378.711 đồng, trong đó: trong đó vốn là 10.768.826 đồng, lãi quá hạn là 1.609.885 đồng. Khi ông Q đề nghị cấp thẻ tín dụng vay tín chấp tại Ngân hàng thì ông Q đã đồng ý mức lãi suất và các phí khi sử dụng thẻ tín dụng. Bị đơn ông Q không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án. Do đó, yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng yêu cầu ông Q trả số tiền tạm tính đến ngày 25/3/2021 là 12.378.711 đồng là có căn cứ và phù hợp với quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần S đối với ông Q.

[4] Về thời gian trả: Ngân hàng yêu cầu ông Q phải thanh toán số tiền tạm tính đến ngày 25/3/2021 là 12.378.711 đồng, trong đó vốn là 10.768.826 đồng, lãi quá hạn là 1.609.885 đồng, trả một lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật. Hội đồng xét xử xét thấy theo thỏa thuận trong đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm

hợp đồng thể hiện ngày chốt thông báo giao dịch là ngày 31 và theo quy định về điều khoản và điều kiện phát hành, sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng thương mại cổ phần S thì phương thức thanh toán cho đơn vị phát hành thẻ vào hoặc trước ngày đến hạn được ghi trên thông báo. Việc ông Q không thanh toán đúng hạn đã vi phạm thỏa thuận thanh toán khi sử dụng thẻ đã làm ảnh hưởng đến quyền lợi của Ngân hàng. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng buộc ông Q trả vốn và lãi ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

[5] Về án phí: Ông Q phải chịu án phí theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 26, 35, 147, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Áp dụng các Điều 463, 466 Bộ luật dân sự;
- Áp dụng các Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng;
- Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần S đối với ông Huỳnh Kim Q.

Buộc ông Huỳnh Kim Q có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần S số tiền 12.378.711 đồng (Mười hai triệu, ba trăm bảy mươi tám ngàn, bảy trăm mười một đồng), (trong đó: vốn là 10.768.826 đồng, lãi quá hạn là 1.609.885 đồng).

Thời gian trả khi án có hiệu lực pháp luật.

Trong trường hợp ông Q chậm trả số tiền nêu trên thì ông Q còn phải trả lãi phát sinh theo giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng số 950313 ngày 01/8/2017 mà ông Q đã ký kết với Ngân hàng cho đến khi ông Q trả xong nợ.

2/Về Án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Q phải chịu 618.000 đồng (Sáu trăm mười tám ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn lại Ngân hàng thương mại cổ phần S số tiền 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí mà Ngân hàng đã nộp theo biên lai số 0017069 ngày 25/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, tỉnh T.

3/ Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Q vắng mặt được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày ông Q nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Gò Công Tây;
- Chi cục THADS huyện Gò Công Tây;
- Các đương sự.
- Lưu HS, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Thị Thanh Trinh